

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20 tháng 4 năm 2017
V/v “không công nhận vợ chồng
và tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Biên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2017 về việc “không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXX-ST ngày 27/3/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, ngõ X, đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: **Anh** Hoàng Văn B, sinh năm 1962.

HKTT: Số B, ngõ Z, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: ki ốt số 07A1, đường Đ, phường T, thành phố B.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/3/2017, bản tự khai, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, trong suốt quá trình chung sống, chị và anh B không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do không đăng ký kết hôn là do hai bên đều không muốn đăng ký kết hôn. Trong suốt thời gian chung sống có thời gian thì chị và anh B về ở nhà anh B thuê tại đường V, phường T, thành phố B. Có thời gian thì chị và anh B ở nhà mẹ đẻ của chị ở Số B, ngõ Z, đường V, phường T, thành phố B; Khi thì ở tại nhà riêng của anh B tại ki ốt số 07A1, đường Đ, phường T, thành phố B. Hiện tại do mâu thuẫn chị đã bỏ về sống cùng với bố mẹ đẻ và vợ chồng người em trai tại số nhà X ngõ Z, đường L, phường P, thành phố B. Do trong thời gian cùng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay chị và anh B không còn tình cảm, không thể cùng chung sống nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

- Về con chung: chị và anh B có một con chung là Hoàng Phương A, sinh ngày 01/6/2008. cháu hiện đang ở với chị tại ở Số A, ngõ X, đường L, phường P, thành phố B. Hiện chị đang đi làm kế toán cho Công ty cổ phần DH có địa chỉ tại ĐN, xã D, thành phố B với thu nhập trên 5 triệu đồng. Nếu được quyền nuôi con, chị không đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 20/3/2017, những lời khai tiếp theo, anh Hoàng Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B xác nhận lời khai của chị H về quá trình anh chị về ăn ở chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và không đăng ký kết hôn là đúng. Trước khi về chung sống với chị H, anh đã có vợ và hai con riêng, anh và vợ cũ đang ký kết hôn, nhưng hai vợ chồng anh đã chia tay nhau từ năm 2007. Nay chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị là vợ chồng, anh không có ý kiến gì.

- Về con chung: Chị và anh B có một con chung là Hoàng Phương A, sinh ngày 01/6/2008. Cháu hiện đang ở với chị H tại ở Số A, ngõ X, đường L, phường P, thành phố B. Tại biên bản hòa giải ngày 23/3/2007 và tại đơn xin xử vắng mặt, anh nhất trí để cho chị H được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Phương A.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 22/3/2017 ghi lời trình bày của cháu Hoàng Phương A có sự chứng kiến của cô giáo Nguyễn Thị Thanh H, hiệu trưởng Trường tiểu học P thì cháu Hoàng Phương Anh mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tổ tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định trong Bộ luật tổ tụng dân sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: đề nghị không công nhận chị Hường và anh B là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền nuôi cháu Hoàng Phương Anh, Về cấp dưỡng nuôi con, chị Hường không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hường phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và trong suốt thời gian chung sống cả hai đều không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nay chị Nguyễn Thị H đề nghị không công nhận chị và anh B là vợ chồng, anh B đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn B là vợ chồng.

+ Về con chung: anh B và chị H có một con chung là Hoàng Phương A, sinh ngày 01/6/2008. Căn cứ biên bản hòa giải ngày 23/3/2017 và ý kiến của anh B tại đơn xin xử vắng mặt là nhất trí để cho chị H được quyền nuôi con chung và ý kiến của chị H tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên nội dung hòa giải tại biên bản hòa giải ngày 23/3/2017, nên Hội đồng xét xử xét thấy cho chị Hường được quyền

được nuôi con chung Hoàng Phương A là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, về công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hường phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 01/6/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Hường đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/06114 ngày 10/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường